

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ  
XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023



**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2023	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2023	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2023	8 – 9
Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc	10 – 30

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu Tư và Xây Dựng Thủy Lợi Lâm Đồng (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính riêng đính kèm đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2023.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Lê Đình Hiền	Chủ tịch
Ông Trần Hùng Phương	Thành viên
Ông Trần Việt Thắng	Thành viên
Ông Lý Chủ Hưng	Thành viên
Ông Phan Công Ngôn	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Lê Huy Sáu	Trưởng ban
Bà Hoàng Thị Lụa	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Liên	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Lê Văn Quý	Tổng Giám đốc
Ông Trần Đại Hiền	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hầu Văn Tuấn	Kế toán trưởng

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên của RSM Quốc tế.

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính riêng được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính riêng.

**CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc, *ph*



**Lê Văn Quý**  
**Tổng giám đốc**

Lâm Đồng, ngày 25 tháng 08 năm 2023

Số: 30/2023/SX-RSMHCM

**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các cổ đông  
Các thành viên Hội đồng Quản trị  
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc  
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu Tư và Xây Dựng Thủy Lợi Lâm Đồng, được lập ngày 25 tháng 08 năm 2023, từ trang 05 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc.

***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu Tư và Xây Dựng Thủy Lợi Lâm Đồng chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

*(Xem tiếp trang sau)*

**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

**Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Lục Thị Vân**  
**Phó Tổng giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:  
0172-2023-026-1

**Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam**  
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 08 năm 2023

*Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc, báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30/06/2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2023	Tại ngày 01/01/2023
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>165,322,023,287</b>	<b>185,655,726,263</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	4.1	<b>50,019,364,970</b>	<b>79,396,065,061</b>
1. Tiền	111		10,019,364,970	35,546,065,061
2. Các khoản tương đương tiền	112		40,000,000,000	43,850,000,000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>20,000,000,000</b>	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4.2	20,000,000,000	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>81,730,030,606</b>	<b>91,568,707,196</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.4	53,622,882,523	54,551,302,068
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.5	29,376,988,268	32,521,096,886
3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134		-	4,054,414,928
4. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	4.6	2,100,000,000	2,100,000,000
5. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.7	2,914,228,040	4,625,961,539
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.8	(6,284,068,225)	(6,284,068,225)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>13,059,557,200</b>	<b>13,027,653,119</b>
1. Hàng tồn kho	141	4.9	13,059,557,200	13,027,653,119
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>513,070,511</b>	<b>1,663,300,887</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	324,074,074
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.13	513,070,511	1,339,226,813
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>156,835,012,399</b>	<b>155,003,299,542</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>8,719,115,899</b>	<b>9,887,403,042</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.10	8,719,115,899	9,887,403,042
Nguyên giá	222		90,563,772,440	96,148,713,728
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(81,844,656,541)	(86,261,310,686)
Nguyên giá	228		124,364,500	124,364,500
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(124,364,500)	(124,364,500)
<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>3,000,000,000</b>	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		3,000,000,000	-
<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>145,115,896,500</b>	<b>145,115,896,500</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	4.3	145,115,896,500	145,115,896,500
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>322,157,035,686</b>	<b>340,659,025,805</b>

(Xem tiếp trang sau)

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

Tại ngày 30/06/2023

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2023	Tại ngày 01/01/2023
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>141.369.552.638</b>	<b>178.375.764.447</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>141.369.552.638</b>	<b>178.375.764.447</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.11	22.189.187.091	10.838.311.946
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.12	113.961.529.502	153.598.058.130
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.13	174.712.562	470.798.005
4. Phải trả người lao động	314		500.000.000	2.843.289.500
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	4.316.000.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.14	607.018.744	1.354.945.033
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.15	50.000.000	587.000.000
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	4.16	2.780.000.000	3.200.000.000
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.107.104.739	1.167.361.833
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>180.787.483.048</b>	<b>162.283.261.358</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	4.17	<b>180.787.483.048</b>	<b>162.283.261.358</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		144.000.000.000	144.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		144.000.000.000	144.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		9.052.708.180	9.052.708.180
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.030.553.178	6.071.657.587
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		25.704.221.690	3.158.895.591
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		25.704.221.690	3.158.895.591
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>322.157.035.686</b>	<b>340.659.025.805</b>



**Lê Văn Quý**  
Tổng Giám đốc

**Hầu Văn Tuấn**  
Kế toán trưởng

**Nguyễn Thị Thu Hương**  
Người lập biểu

Lâm Đồng, ngày 25 tháng 08 năm 2023



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	4.18	80.401.298.319	64.601.262.364
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		412.198.682	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		79.989.099.637	64.601.262.364
4. Giá vốn hàng bán	11	4.19	75.648.730.707	60.173.459.176
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		4.340.368.930	4.427.803.188
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	4.20	25.916.127.318	6.937.906.799
7. Chi phí tài chính	22	4.21	38.404.855	40.760.970
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		<i>14.077.083</i>	<i>27.070.000</i>
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	4.22	5.715.688.470	3.903.829.703
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		24.502.402.923	7.421.119.314
10. Thu nhập khác	31	4.23	1.207.366.949	240.867.273
11. Chi phí khác	32		5.548.182	34.695.900
12. Lợi nhuận khác	40		1.201.818.767	206.171.373
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		25.704.221.690	7.627.290.687
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	4.25	-	266.701.129
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		25.704.221.690	7.360.589.558



Lê Văn Quý  
Tổng Giám đốc

Hầu Văn Tuấn  
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thu Hương  
Người lập biểu

Lâm Đồng, ngày 25 tháng 08 năm 2023

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		25.704.221.690	7.627.290.687
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	4.24	1.950.650.779	2.515.278.086
Các khoản dự phòng	03		(420.000.000)	(84.943.371)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(26.697.945.500)	(7.117.906.799)
Chi phí lãi vay	06		14.077.083	27.070.000
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>551.004.052</b>	<b>2.966.788.603</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		9.838.676.590	(22.515.802.813)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(31.904.081)	683.764.712
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(35.162.798.413)	(35.824.111.200)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		324.074.074	(324.074.074)
Tiền lãi vay đã trả	14		(14.077.083)	(27.070.000)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(442.264.823)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(60.257.094)	(31.400.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(24.555.281.955)</b>	<b>(55.514.169.595)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(3.782.363.636)	(3.392.677.273)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		781.818.182	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-	(220.000.000)
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(20.000.000.000)	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.20	25.916.127.318	6.937.906.799
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>2.915.581.864</b>	<b>3.325.229.526</b>

(Xem tiếp trang sau)

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
**(Theo phương pháp gián tiếp)**  
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33	4.26	50.000.000	410.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	4.27	(587.000.000)	(1.193.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho sở hữu	36		(7.200.000.000)	(7.200.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(7.737.000.000)</b>	<b>(7.983.000.000)</b>
<b>LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG NĂM</b>	<b>50</b>		<b>(29.376.700.091)</b>	<b>(60.171.940.069)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		79.396.065.061	94.713.074.829
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM</b> <b>(70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>	4.1	<b>50.019.364.970</b>	<b>34.541.134.760</b>



Lê Văn Quý  
Tổng Giám đốc

Hầu Văn Tuấn  
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thu Hương  
Người lập biểu

Lâm Đồng, ngày 25 tháng 08 năm 2023

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC**

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu Tư và Xây Dựng Thủy Lợi Lâm Đồng (dưới đây gọi tắt là Công ty) được thành lập theo Quyết định số 82/2000/QĐ-UB ngày 27 tháng 06 năm 2000 của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Lâm Đồng, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 059247 ngày 27 tháng 07 năm 2000, và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất số 5800000424 ngày 12 tháng 08 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp để tăng vốn điều lệ.

Ngày 13 tháng 10 năm 2010, Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán trên Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận đăng ký niêm yết cổ phiếu số 04/GCN-SGDHN ngày 07 tháng 01 năm 2010 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 144.000.000.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại số 87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 08, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 là 56 (31/12/2022: 57).

**1.2. Lĩnh vực kinh doanh**

Thi công xây dựng.

**1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là thi công các công trình: Dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cấp, thoát nước. Chế tạo, lắp đặt cơ khí chuyên ngành thủy lợi, giao thông;

**1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

*(Xem tiếp trang sau)*

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****1.5. Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, Công ty có các công ty con như sau:

Tên	Ngành nghề hoạt động chính	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
<b>Công ty con trực tiếp:</b>					
Công ty Cổ phần Khoáng Sản và Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng	Khai thác khoáng sản, sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng.	87 Phù Đổng Thiên Vương, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.	64,90%	64,90%	64,90%
Công ty Cổ phần Đầu Tư Và Xây Dựng 40	Thi công xây dựng công trình thủy lợi	201/58 Nguyễn Xí, Phường 26, quận Bình Thạnh, TP HCM	51,00%	51,00%	51,00%
<b>Công ty con gián tiếp:</b>					
Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	87 Phù Đổng Thiên Vương, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.	100,00%	100,00%	64,90%
Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	Thôn Hiệp Thành, xã Tam Bó, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.	94,39%	94,39%	61,26%
Công ty TNHH MTV Bê Tông LBM Đắc Nông	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	Thôn 12, xã Nhân Cơ, huyện Đăk R'Lấp, tỉnh Đăk Nông.	100,00%	100,00%	64,90%
Công ty TNHH MTV LBM Tân Phú	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	Thửa đất 239, 289 TBĐ số 23, ấp Phú Hợp B, xã Phú Bình, huyện Tân Phú, Đồng Nai.	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty TNHH MTV LBM Lộc Sơn	Sản xuất và kinh doanh bê tông	Khu Công nghiệp Lộc Sơn, Phường Lộc Sơn, Thành phố Bảo Lộc, Tỉnh Lâm Đồng.	100,00%	100,00%	100,00%

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG****2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký Chung

**2.3. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12

**2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG**

Các chính sách kế toán áp dụng để lập báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 thống nhất với các chính sách kế toán đã áp dụng để lập báo cáo tài chính riêng năm 2022.

**4. CÁC SỰ KIỆN HOẶC GIAO DỊCH TRỌNG YẾU TRONG KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ****4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Tiền mặt	215.364.907	14.417.826
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	9.804.000.063	35.531.647.235
Các khoản tương đương tiền (*)	40.000.000.000	43.850.000.000
<b>Cộng</b>	<b>50.019.364.970</b>	<b>79.396.065.061</b>

(\*) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng với lãi suất từ 4,3%/năm đến 8,4%/năm.

**4.2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**

Các khoản đầu tư tài chính là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng với lãi suất 8,4%/năm.

(Xem trang tiếp theo)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG**

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 08, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.3. Đầu tư vào công ty con**

	Tại ngày 30/06/2023			Tại ngày 01/01/2023		
	VND			VND		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty Cổ phần Khoáng Sản Và Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng	110.775.469.000	-	638.616.000.000	110.775.469.000	-	533.478.000.000
Công ty Cổ phần Đầu Tư Và Xây Dựng 40	34.340.427.500	-	38.372.400.000	34.340.427.500	-	38.005.200.000
<b>Cộng</b>	<b><u>145.115.896.500</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>676.988.400.000</u></b>	<b><u>145.115.896.500</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>571.483.200.000</u></b>

Công ty đã xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Khoáng Sản và Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng và Công ty Cổ phần Đầu Tư Và Xây Dựng 40 trên cơ sở giá niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán và số lượng cổ phiếu mà Công ty đang nắm giữ tại ngày 30/06/2023.

(Xem trang tiếp theo)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.4. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Phải thu khách hàng là các bên liên quan - Xem thêm Mục 4.28	2.020.897.000	1.327.367.000
Phải thu từ khách hàng:		
BQL DA ĐT&XD Công trình NN & PTNT Lâm Đồng	25.481.064.609	28.687.291.754
Ban quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng và Công trình công cộng huyện Lâm Hà	6.130.591.872	790.645.074
Phải thu các đối tượng khác (*)	19.990.329.042	23.745.998.240
<b>Cộng</b>	<b><u>53.622.882.523</u></b>	<b><u>54.551.302.068</u></b>

(\*) Tại ngày 30/6/2023, mỗi khoản phải thu các đối tượng khác có giá trị nhỏ hơn 10% tổng số phải thu ngắn hạn của khách hàng.

**4.5. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Trả trước cho người bán là các bên liên quan – Xem thêm Mục 4.28 (*)	6.800.415.758	17.220.082.783
Trả trước cho người bán:		
Công ty TNHH Trọng Tín Lâm Đồng (**)	9.250.836.804	9.759.967.896
Lê Văn Giáp (***)	4.826.611.925	-
Công ty TNHH Xây dựng Vinci Vina (****)	4.637.772.000	-
Các nhà cung cấp khác (*****)	3.861.351.781	5.541.046.207
<b>Cộng</b>	<b><u>29.376.988.268</u></b>	<b><u>32.521.096.886</u></b>

(\*) Trả trước cho người bán là các bên liên quan, bao gồm:

- Khoản trả tiền trước cho Công ty Cổ phần Khoáng Sản và VLXD Lâm Đồng liên quan đến việc bán bê tông trộn sẵn theo Hợp đồng cung cấp vật tư số 152-03/2022/HĐKT ngày 04 tháng 01 năm 2022.
- Khoản trả tiền trước cho Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Xây Dựng 40 liên quan đến dự án xây dựng hồ chứa nước Ta Hoét theo Hợp đồng số 866/2021/HĐXL-ĐT XDCT ngày 20 tháng 12 năm 2021.

(\*\*) Tạm ứng cho Công ty TNHH Trọng Tín Lâm Đồng liên quan đến dự án xây dựng hồ chứa nước Đông Thanh theo Hợp đồng số 01/2022/HĐKT-LHC-TT ngày 17 tháng 01 năm 2022.

(\*\*\*) Tạm ứng cho ông Lê Văn Giáp liên quan đến dự án Vùng chuyên canh cây chanh – Long An theo Hợp đồng số 011222/HDNV-LHC ngày 01 tháng 12 năm 2022.

(\*\*\*\*) Tạm ứng cho Công ty TNHH Xây Dựng VINCI VINA liên quan đến dự án Vùng chuyên canh cây chanh – Long An theo Hợp đồng số 140323/HĐKT-LHC-VV/CCLA ngày 14 tháng 03 năm 2023.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG**

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 08, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

(\*\*\*\*) Tại ngày 30/6/2023, mỗi khoản trả trước cho các nhà cung cấp khác có giá trị nhỏ hơn 10% tổng số trả trước cho người bán ngắn hạn.

**4.6. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
BQL DA ĐT&XD Công trình NN&PTNT Lâm Đồng	2.000.000.000	2.000.000.000
Ban quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng và Công trình công cộng huyện Đam Rông	100.000.000	100.000.000
<b>Cộng</b>	<b>2.100.000.000</b>	<b>2.100.000.000</b>

**4.7. Phải thu ngắn hạn khác**

	Tại ngày 30/06/2023 VND		Tại ngày 01/01/2023 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu khác là các bên liên quan – Xem thêm Mục 4.28	35.216.000	-	3.608.727.539	-
Phải thu khác:				
Phải thu người lao động	2.879.012.040	-	1.017.234.000	-
<b>Cộng</b>	<b>2.914.228.040</b>	<b>-</b>	<b>4.625.961.539</b>	<b>-</b>

**4.8. Nợ xấu**

	Tại ngày 30/06/2023 VND		Tại ngày 01/01/2023 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	10.477.038.450	4.192.970.225	10.477.038.450	4.192.970.225

Ban Tổng Giám đốc đánh giá khả năng thu hồi nợ phải thu quá hạn là thấp vì khoản nợ đã quá hạn từ nhiều năm và khó có khả năng thu hồi.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG**

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 08, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu, cho vay quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2023 VND			Tại ngày 01/01/2023 VND		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Công ty Cổ phần 508 TT QLKT CT	57.338.000	-	4 năm	57.338.000	-	4 năm
Công cộng Huyện Đạteh	2.033.760.000	-	4 năm	2.033.760.000	-	4 năm
Công ty CP Công trình & Thương Mại Giao Thông vận tải	3.528.200.000	1.764.100.000	2 năm	3.528.200.000	1.764.100.000	2 năm
Công ty CP Thủy điện Liên Gich	210.802.502	105.401.251	3 năm	210.802.502	105.401.251	3 năm
Công ty TNHH Xây dựng Đông Nam	4.646.937.948	2.323.468.974	4 năm	4.646.937.948	2.323.468.974	4 năm
<b>Cộng</b>	<b>10.477.038.450</b>	<b>4.192.970.225</b>		<b>10.477.038.450</b>	<b>4.192.970.225</b>	

**4.9. Hàng tồn kho**

	Tại ngày 30/06/2023 VND		Tại ngày 01/01/2023 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	11.016.264.660	-	10.984.360.579	-
Hàng hóa	2.043.292.540	-	2.043.292.540	-
<b>Cộng</b>	<b>13.059.557.200</b>	<b>-</b>	<b>13.027.653.119</b>	<b>-</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

(\*) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Sửa chữa đập WB8 - Lâm Đồng	920.784.337	890.000.000
Hồ chứa nước Đông Thanh	4.500.000.000	6.756.974.817
Hồ chứa nước Tà Hoét	1.320.563.762	1.105.100.580
Sửa chữa nâng cấp Hồ P'rôh - Đ. Dương	963.559.090	-
Kênh và CTTK Vòm Cỏ Đông - Gói 17	2.423.777.472	790.000.000
Dự án Hạ tầng Vườn Chanh - Long An	850.000.000	-
Kênh và CTTK Vòm Cỏ Đông - Gói 19	37.580.000	-
Công trình Đập Bằng Lãng - Đam Rông	-	30.035.183
Nạo vét Suối Tân Lập - Đạ Tẻh	-	1.374.000.000
Nâng cấp Kênh Đạ Ròn; Đạ Đờn	-	38.250.000
<b>Cộng</b>	<b>11.016.264.661</b>	<b>10.984.360.580</b>

(Xem tiếp trang sau)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**4.10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:				
Tại ngày 01/01/2023	84.515.206.727	11.551.507.001	82.000.000	96.148.713.728
Mua trong kỳ	782.363.636	-	-	782.363.636
Thanh lý, nhượng bán	(6.367.304.924)	-	-	(6.367.304.924)
<b>Tại ngày 30/06/2023</b>	<b>78.930.265.439</b>	<b>11.551.507.001</b>	<b>82.000.000</b>	<b>90.563.772.440</b>
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Tại ngày 01/01/2023	77.851.009.124	8.380.083.041	30.218.521	86.261.310.686
Khấu hao trong kỳ	1.600.458.355	336.525.756	13.666.668	1.950.650.779
Thanh lý, nhượng bán	(6.367.304.924)	-	-	(6.367.304.924)
<b>Tại ngày 30/06/2023</b>	<b>73.084.162.555</b>	<b>8.716.608.797</b>	<b>43.885.189</b>	<b>81.844.656.541</b>
Giá trị còn lại:				
Tại ngày 01/01/2023	6.664.197.603	3.171.423.960	51.781.479	9.887.403.042
<b>Tại ngày 30/06/2023</b>	<b>5.846.102.884</b>	<b>2.834.898.204</b>	<b>38.114.811</b>	<b>8.719.115.899</b>

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 74.348.840.455 VND.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**4.11. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2023		Tại ngày 01/01/2023	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho các bên liên quan – Xem thêm Mục 4.28	1.754.264.342	1.754.264.342	-	-
Phải trả cho người bán:				
Công ty TNHH Cơ khí và Xây dựng Thái Hưng Thịnh	4.401.943.410	4.401.943.410	-	-
Công ty TNHH Hòa Hiệp	2.773.220.133	2.773.220.133	-	-
Phải trả cho các đối tượng khác (*)	13.259.759.206	13.259.759.206	10.838.311.946	10.838.311.946
<b>Cộng</b>	<b>22.189.187.091</b>	<b>22.189.187.091</b>	<b>10.838.311.946</b>	<b>10.838.311.946</b>

(\*) Tại ngày 30/06/2023, phải trả cho các đối tượng khác có giá trị mỗi đối tượng dưới 10% tổng số phải trả người bán ngắn hạn.

**4.12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Tại ngày	Tại ngày
	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
BQL Dự án ĐT&XD Công trình NN&PT Nông Thôn Lâm Đồng (*)	77.277.090.766	78.850.220.688
TT QL khai thác Công trình CC Huyện Lâm Hà (**)	21.600.000.000	51.725.055.243
BQL DA Nông nghiệp Tỉnh Long An (***)	12.532.798.000	14.755.515.000
Các khách hàng khác	2.551.640.736	8.267.267.199
<b>Cộng</b>	<b>113.961.529.502</b>	<b>153.598.058.130</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG**

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 08, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

(\*) Người mua trả tiền trước từ BQL DA ĐT&XD Công trình NN&PTNT Lâm Đồng liên quan đến công trình Ta Hoét theo Hợp đồng số 866/2021/HĐXL-ĐT XDCT ngày 20 tháng 12 năm 2021 và công trình Kênh Đạ Ròn theo hợp đồng số 480/2021/HĐXL-ĐT XDCT ngày 06 tháng 09 năm 2021.

(\*\*) Người mua trả tiền trước từ TT QL khai thác Công trình CC huyện Lâm Hà liên quan đến công trình đập Đông Thanh Lâm Hà và Hệ thống kênh Đông Thanh, Lâm Hà theo Hợp đồng số 222/HĐ-TCXD ngày 23 tháng 12 năm 2021.

(\*\*\*) Người mua trả tiền trước từ BQL DA Nông nghiệp tỉnh Long An liên quan đến công trình vùng chuyên canh cây chanh huyện Bến Lức theo Hợp đồng số 28/HĐXD.2022 ngày 18 tháng 11 năm 2022

**4.13. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 30/06/2023 VND		Trong kỳ VND		Tại ngày 01/01/2023 VND	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	217.694.579	-	826.156.302	-	1.043.850.881	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	295.375.932	-	-	-	295.375.932	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	174.712.562	971.026.917	1.267.112.360	-	470.798.005
Các loại thuế khác	-	-	422.025.080	422.025.080	-	-
<b>Cộng</b>	<b>513.070.511</b>	<b>174.712.562</b>	<b>2.219.208.299</b>	<b>1.689.137.440</b>	<b>1.339.226.813</b>	<b>470.798.005</b>

**4.14. Phải trả ngắn hạn khác**

	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Kinh phí công đoàn	113.106.932	85.323.633
Phải trả khác	493.911.812	1.269.621.400
<b>Cộng</b>	<b>607.018.744</b>	<b>1.354.945.033</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI LÂM ĐỒNG**

Địa chỉ: 87 Phù Đổng Thiên Vương, Phường 08, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.15. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

Các khoản vay ngắn hạn được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2023 VND		Trong năm VND		Tại ngày 01/01/2023 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay cá nhân	50.000.000	50.000.000	50.000.000	587.000.000	587.000.000	587.000.000

Vay cá nhân là khoản vay để bổ sung vốn lưu động, lãi suất theo lãi suất ngân hàng (6%/năm) và không đảm bảo bằng tài sản.

**4.16. Dự phòng phải trả ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Sửa chữa đập WB8 Đắc Lắc	63.669.150	73.288.231
Hồ chứa nước Đa Sĩ - Cát Tiên	61.255.382	70.509.793
Sửa chữa đập WB8 Lâm Đồng	749.443.568	862.668.855
Hồ chứa nước Đông Thanh - Lâm Hà	585.130.789	673.531.843
Sửa chữa đập WB8 Khánh Hòa - Gói 10	49.556.397	57.043.335
Dự án tưới Sông Vàm Cỏ Đông - gói thầu 19	124.983.326	143.865.699
Dự án tưới Sông Vàm Cỏ Đông - gói thầu 16	84.856.909	97.677.018
Dự án tưới Sông Vàm Cỏ Đông - gói thầu 20	70.530.987	81.186.748
Nâng cấp Kênh Đa Ròn, Cam ly, Đa Đờn	204.840.917	235.788.106
Nạo vét Suối Tân Lập - Đa Tẻh	116.963.281	134.633.992
Đầu tư Hạ Tầng Vườn Chanh - Long An	130.730.784	150.481.478
Công trình Đập Thủy lợi Bằng Lăng	471.510.869	542.746.324
Gói thầu KC1 - HTTL Bắc Nghệ An	66.527.641	76.578.579
<b>Cộng</b>	<b>2.780.000.000</b>	<b>3.200.000.000</b>

Đây là các khoản dự phòng bảo hành các công trình đã thi công đến 30/6/2023 với mức trích dự phòng tùy thuộc vào từng hợp đồng thi công từ mức từ 1,68% đến 2% trên tổng giá trị nghiệm thu công trình.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**4.17. Vốn chủ sở hữu**

**4.17.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	<b>Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu</b>				
	<b>Vốn góp của chủ sở hữu VND</b>	<b>Thặng dư vốn cổ phần VND</b>	<b>Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu VND</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và các quỹ VND</b>	<b>Cộng VND</b>
Tại ngày 01/01/2022	72.000.000.000	21.052.708.180	63.071.657.587	10.520.303.989	166.644.669.756
Lãi trong 6 tháng đầu năm trước	-	-	-	7.360.589.558	7.360.589.558
Trích quỹ thuộc vốn chủ sở hữu theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ22-LHC ngày 26/04/2022			3.000.000.000	(3.000.000.000)	-
Chia cổ tức từ lợi nhuận 2021 theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ22-LHC ngày 25/04/2021				(7.200.000.000)	(7.200.000.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi				(320.303.989)	(320.303.989)
	72.000.000.000	21.052.708.180	66.071.657.587	7.360.589.558	166.484.955.325
Tại ngày 30/06/2022	72.000.000.000	72.000.000.000	(60.000.000.000)	-	-
Tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu		(12.000.000.000)		2.998.306.033	2.998.306.033
Lãi trong 6 tháng cuối năm trước	-	-	-		
Chia cổ tức từ lợi nhuận 2022 theo thông báo tạm ứng cổ tức bằng tiền ngày 01/11/2022 của HĐQT				(7.200.000.000)	(7.200.000.000)
	144.000.000.000	9.052.708.180	6.071.657.587	3.158.895.591	162.283.261.358
Tại ngày 01/01/2023	144.000.000.000	9.052.708.180	6.071.657.587	25.704.221.690	25.704.221.690
Lãi trong 6 tháng đầu năm nay	-	-	-		
Chia cổ tức từ lợi nhuận 2022 theo thông báo tạm ứng cổ tức bằng tiền ngày 02/03/2023 của HĐQT			(4.041.104.409)	(3.158.895.591)	(7.200.000.000)
	<b>144.000.000.000</b>	<b>9.052.708.180</b>	<b>2.030.553.178</b>	<b>25.704.221.690</b>	<b>180.787.483.048</b>
Tại ngày 30/06/2023					



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.17.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Vốn góp của các cổ đông	144.000.000.000	144.000.000.000

**4.17.3. Cổ phiếu**

	Tại ngày 30/06/2023	Tại ngày 01/01/2023
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	14.400.000	14.400.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	14.400.000	14.400.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	14.400.000	14.400.000

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

**4.17.4. Cổ tức đã trả**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Cổ tức đã trả cho cổ phiếu phổ thông	(7.200.000.000)	(7.200.000.000)

**4.17.5. Các quỹ của doanh nghiệp**

	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND
Tại ngày 01/01/2023	6.071.657.587
Chia cổ tức từ lợi nhuận 2022 theo thông báo tạm ứng cổ tức bằng tiền ngày 02/03/2023	(4.041.104.409)
<b>Tại ngày 30/06/2023</b>	<b>2.030.553.178</b>

**4.18. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu hợp đồng xây dựng	80.401.298.319	64.601.262.364
Trong đó, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan – Xem thêm Mục 4.28	3.585.711.530	3.942.540.183

Doanh thu kỳ này tăng 24% so với cùng kỳ năm trước là do các công trình lớn của năm trước được nghiệm thu trong kỳ là Đập Đông Thanh Lâm Hà, Công trình Dự án Hạ tầng vùng chuyên canh Cây chanh - Long An.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**4.19. Giá vốn hàng bán**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn hợp đồng xây dựng	75.648.730.707	60.173.459.176

Giá vốn hàng bán tăng 26% so với cùng kỳ năm trước chủ yếu là do khối lượng công trình nghiệm thu kỳ này tăng 27%. Ngoài ra, giá nguyên liệu đầu vào trên thị trường như đất, đá, cát tăng và chi phí vận chuyển tăng do giá xăng dầu tăng theo tình hình chung của thế giới.

**4.20. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.253.800.518	447.820.799
Cổ tức, lợi nhuận được chia – Xem thêm Mục 4.28	24.662.326.800	6.490.086.000
<b>Cộng</b>	<b>25.916.127.318</b>	<b>6.937.906.799</b>

**4.21. Chi phí tài chính**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền vay	14.077.083	27.070.000
Chi phí tài chính khác	24.327.772	13.690.970
<b>Cộng</b>	<b>38.404.855</b>	<b>40.760.970</b>

**4.22. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên quản lý (*)	3.025.509.132	995.631.899
Chi phí vật liệu quản lý	28.540.000	82.251.246
Chi phí khấu hao TSCĐ	350.192.424	520.246.834
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	21.518.519
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.308.446.914	2.284.181.205
<b>Cộng</b>	<b>5.715.688.470</b>	<b>3.903.829.703</b>

(\*) Chi phí nhân viên quản lý tăng mạnh so với kỳ trước là chủ yếu do lương thưởng cho Hội đồng quản trị theo Nghị quyết 01/NQ-ĐHĐCĐ23-LHC ngày 21 tháng 4 năm 2023 của Đại hội đồng cổ đông và trích trước lương thưởng cho nhân viên cuối kỳ.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**4.23. Thu nhập khác**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	781.818.182	180.000.000
Bán đất đai	-	60.867.273
Thu nhập khác	425.548.767	-
<b>Cộng</b>	<b>1.207.366.949</b>	<b>240.867.273</b>



**4.24. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	68.597.228.787	43.748.912.966
Chi phí nhân công	9.373.661.437	6.451.987.021
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.950.650.779	2.515.278.086
Chi phí dịch vụ mua ngoài	396.689.229	7.936.306.622
Chi phí khác bằng tiền	1.078.093.026	2.775.735.372
<b>Cộng</b>	<b>81.396.323.258</b>	<b>63.428.220.067</b>



**4.25. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành được xác định như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong kỳ	25.704.221.690	7.627.290.687
Cộng: Chi phí không được trừ	69.859.092	196.300.958
Trừ: Lợi nhuận từ công ty con	(24.662.326.800)	(6.490.086.000)
Trừ: Lỗ năm trước chuyển sang	(1.111.753.982)	-
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	-	1.333.505.645
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
<b>Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ</b>	<b>-</b>	<b>266.701.129</b>

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí/thu nhập khi tính thuế như: chi phí nộp phạt vi phạm hành chính, chi phí khấu hao tài sản cố định là xe ô tô có nguyên giá vượt quá 1,6 tỷ và lợi nhuận từ công ty con.

**4.26. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	50.000.000	410.000.000

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**4.27. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ**

	Kỳ này VND	Kỳ này VND
Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	(587.000.000)	(1.193.000.000)

**4.28. Thông tin về các bên liên quan**

Danh sách các bên liên quan

Mối quan hệ

1. Công ty Cổ phần Đầu tư Và Xây dựng 40	Công ty con trực tiếp
2. Công ty Cổ phần Khoáng Sản và VLXD Lâm Đồng	Công ty con trực tiếp
3. Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát	Công ty con gián tiếp
4. Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành	Công ty con gián tiếp
5. Công ty TNHH Một Thành Viên Bê Tông LBM Đắc Nông	Công ty con gián tiếp
6. Công ty TNHH MTV LBM Tân Phú	Công ty con gián tiếp
7. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	Nhân sự quản lý chủ chốt

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
<b>Phải thu thương mại:</b>		
Công ty Cổ phần Khoáng Sản và VLXD Lâm Đồng	490.652.200	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Và Xây dựng 40	1.530.244.800	1.327.367.000
<b>Cộng – Xem thêm Mục 4.4</b>	<b>2.020.897.000</b>	<b>1.327.367.000</b>
	<b>Tại ngày 30/06/2023 VND</b>	<b>Tại ngày 01/01/2023 VND</b>
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn:</b>		
Công ty Cổ phần Khoáng Sản và VLXD Lâm Đồng	-	4.287.538.685
Công ty Cổ phần Đầu tư Và Xây dựng 40	6.800.415.758	12.932.544.098
<b>Cộng – Xem thêm Mục 4.5</b>	<b>6.800.415.758</b>	<b>17.220.082.783</b>
	<b>Tại ngày 30/06/2023 VND</b>	<b>Tại ngày 01/01/2023 VND</b>
<b>Tạm ứng:</b>		
Lê Văn Quý - Tổng Giám đốc	-	3.573.511.539
Kim Ngọc Đăng - Phó Tổng Giám đốc miễn nhiệm từ 01/09/2022	35.216.000	35.216.000
<b>Cộng – Xem thêm Mục 4.7</b>	<b>35.216.000</b>	<b>3.608.727.539</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Phải trả thương mại – Xem thêm Mục 4.11:		
Công ty Cổ phần Khoáng Sản và VLXD Lâm Đồng	(1.754.264.342)	-
Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:		
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Bán hàng và cung cấp dịch vụ:		
Công ty Cổ phần Khoáng Sản và VLXD Lâm Đồng	1.117.217.893	3.686.959.628
Công ty Cổ phần Đầu tư Và Xây dựng 40	2.468.493.637	255.580.555
<b>Cộng – Xem thêm Mục 4.18</b>	<b>3.585.711.530</b>	<b>3.942.540.183</b>
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Mua hàng và dịch vụ:		
Công ty Cổ phần Khoáng Sản và VLXD Lâm Đồng	8.472.093.406	8.040.453.451
Công ty Cổ phần Đầu tư Và Xây dựng 40	690.062.582	-
<b>Cộng</b>	<b>9.162.155.988</b>	<b>8.040.453.451</b>
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Thuê văn phòng:		
Công ty Cổ phần Khoáng Sản và VLXD Lâm Đồng	150.000.000	150.000.000
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Thanh lý tài sản:		
Công ty Cổ phần Khoáng Sản và VLXD Lâm Đồng	-	180.000.000
Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát	727.272.728	-
<b>Cộng</b>	<b>727.272.728</b>	<b>180.000.000</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Nhiên liệu, sửa máy:		
Công ty Cổ phần Khoáng Sản và VLXD Lâm Đồng	5.548.182	-

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền.

Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan.

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận do Công ty công bố. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Nhận cổ tức – Xem thêm Mục 4.20:		
Công ty Cổ phần Khoáng Sản và VLXD Lâm Đồng	24.662.326.800	6.490.086.000

Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được hưởng trong kỳ như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lê Đình Hiến – Chủ tịch HĐQT	361.000.000	361.000.000
Trần Việt Thắng – Thành viên HĐQT	60.000.000	45.000.000
Trần Hùng Phương – Thành viên HĐQT	30.000.000	30.000.000
Lý Chủ Hưng – Thành viên HĐQT	30.000.000	30.000.000
Phan Công Ngôn – Thành viên HĐQT	30.000.000	30.000.000
<b>Cộng</b>	<b>511.000.000</b>	<b>496.000.000</b>

Thu nhập của từng thành viên Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong kỳ như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lê Văn Quý – Tổng Giám đốc	241.000.000	241.000.000
Kim Ngọc Đăng – Phó Tổng Giám đốc miễn nhiệm từ 01/09/2022	-	151.000.000
Trần Đại Hiến - Phó Tổng Giám đốc được bổ nhiệm ngày 20/01/2022	151.000.000	126.000.000
Hầu Văn Tuấn – Kế toán trưởng	151.000.000	151.000.000
<b>Cộng</b>	<b>543.000.000</b>	<b>669.000.000</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

Cổ tức đã chia cho từng thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong kỳ như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lê Đình Hiến – Chủ tịch HĐQT	536.000.000	536.000.000
Trần Việt Thắng – Thành viên HĐQT	216.300.000	224.600.000
Trần Hùng Phương – Thành viên HĐQT	70.000.000	70.000.000
Lý Chủ Hưng – Thành viên HĐQT	17.850.000	10.500.000
Lê Văn Quý – Tổng Giám đốc	45.800.000	45.800.000
Kim Ngọc Đăng – Phó Tổng Giám đốc miễn nhiệm từ 01/09/2022	-	33.000.000
Hầu Văn Tuấn – Kế toán trưởng	13.500.000	15.500.000
<b>Cộng</b>	<b>899.450.000</b>	<b>935.400.000</b>

**4.29. Thu nhập Ban kiểm soát**

Thù lao của từng thành viên Ban Kiểm soát được hưởng trong kỳ như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lê Huy Sáu - Trưởng Ban Kiểm soát	30.000.000	30.000.000
Hoàng Thị Lụa - Thành viên Ban Kiểm soát	12.000.000	12.000.000
Nguyễn Thị Liên – Thành viên Ban Kiểm soát	12.000.000	12.000.000
<b>Cộng</b>	<b>54.000.000</b>	<b>54.000.000</b>

Cổ tức đã chia cho từng thành viên Ban Kiểm soát được hưởng trong kỳ như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lê Huy Sáu - Trưởng Ban Kiểm soát	111.000.000	95.000.000
Hoàng Thị Lụa - Thành viên Ban Kiểm soát	164.000.000	155.800.000
Nguyễn Thị Liên – Thành viên Ban Kiểm soát	82.500.000	78.090.000
<b>Cộng</b>	<b>357.500.000</b>	<b>95.000.000</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

**4.30. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày phát hành báo cáo tài chính riêng này.



**Lê Văn Quý**  
Tổng Giám đốc

Lâm Đồng, ngày 25 tháng 08 năm 2023

**Hâu Văn Tuấn**  
Kế toán trưởng

**Nguyễn Thị Thu Hương**  
Người lập biểu